

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTCP VẬN TÀI VÀ
XÉP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2301-2022/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
Mã chứng khoán: HAH
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.39877515
Fax: 024.39444022
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Ngọc Minh
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đinh Vũ, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Số điện thoại công ty: 0225.3979721
Fax: 0225.3979718
Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo Tài chính hợp nhất Quý IV năm 2021" của Công ty cổ phần vận tài và xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/01/2022 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính hợp nhất Quý IV năm 2021

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Minh

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 15/05/2020.

Chúng tôi xin giải trình số liệu báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm nay lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng **310,37%** so với cùng kỳ năm ngoái là do các nguyên nhân sau:

- Về đội tàu:
 - + Với các tàu cho thuê: giá cho thuê tàu tăng
 - + Với các tàu khai thác: sản lượng vận tải tăng, cùng với đó là giá cước tăng dẫn tới lợi nhuận từ đội tàu kỳ này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.
- Về hoạt động cảng và depot: sản lượng hoạt động khai thác cảng và depot cũng tăng do đội tàu đem lại.
- Lợi nhuận ghi nhận từ các công ty liên kết kỳ này tăng.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Kế toán trưởng

A blue ink signature of Trần Thị Thanh Hào.

Trần Thị Thanh Hào

Hà Nội, tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ IV

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,287,237,970,137	694,951,524,534
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	484,732,416,770	221,024,298,549
1. Tiền	111		207,481,206,770	120,844,888,520
2. Các khoản tương đương tiền	112		277,251,210,000	100,179,410,029
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		87,372,980,427	79,993,231,056
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	87,372,980,427	79,993,231,056
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		633,042,082,092	307,576,580,013
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	233,995,316,855	147,333,799,623
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	209,432,319,623	8,218,431,965
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	37,000,000,000	20,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	154,660,539,929	133,449,815,135
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2,046,094,315)	(1,425,466,710)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		48,419,634,267	45,700,049,216
1. Hàng tồn kho	141	V.8	48,419,634,267	45,700,049,216
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33,670,856,581	40,657,365,700
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	12,069,586,908	5,561,801,928
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21,601,269,673	35,095,563,772
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,945,107,403,834	1,399,599,754,011
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		74,000,000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	74,000,000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,535,890,707,186	1,098,459,058,012
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1,292,856,919,590	1,075,082,450,678
Nguyên giá	222		2,105,356,805,779	1,784,984,241,833
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(812,499,886,189)	(709,901,791,155)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	239,098,531,863	20,759,018,477
Nguyên giá	225		267,489,773,742	25,419,206,295
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28,391,241,879)	(4,660,187,818)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3,935,255,733	2,617,588,857
Nguyên giá	228		13,554,927,885	11,754,927,885
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9,619,672,152)	(9,137,339,028)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6,568,959,439	667,181,817
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	6,568,959,439	667,181,817
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		147,761,760,195	50,448,750,968
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	127,310,893,695	39,997,884,468
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20,450,866,500	10,450,866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		254,811,977,014	250,024,763,214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	254,811,977,014	250,024,763,214
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,232,345,373,971	2,094,551,278,545

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,330,315,411,554	758,754,665,369
I. Nợ ngắn hạn	310		620,603,862,899	320,362,315,214
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	78,861,911,406	85,352,356,262
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	763,856,819	1,037,014,948
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	53,140,818,010	16,649,110,525
4. Phải trả người lao động	314		28,715,046,180	19,511,984,916
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	28,861,733,938	10,549,642,232
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	15,181,295,259	1,933,281,383
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	142,815,441,175	45,992,688,083
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	233,809,277,118	111,326,082,508
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2,648,342,710	2,648,342,710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	35,806,140,284	25,361,811,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		709,711,548,655	438,392,350,155
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	151,000,000,000	90,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	558,711,548,655	348,392,350,155
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,902,029,962,417	1,335,796,613,176
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1,902,029,962,417	1,335,796,613,176
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487,827,510,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487,827,510,000	487,827,510,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191,640,648,159	115,606,612,922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	(22,905,485,178)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		280,492,385,617	235,778,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		591,761,088,613	252,444,167,284
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		146,247,591,514	252,444,167,284
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		445,513,497,099	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		350,308,330,028	267,045,737,339
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,232,345,373,971	2,094,551,278,545

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV
(Dạng đầy đủ)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	671,423,427,439	361,721,997,498	1,955,301,419,313	1,191,667,202,379
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		671,423,427,439	361,721,997,498	1,955,301,419,313	1,191,667,202,379
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	334,864,757,335	281,112,049,533	1,241,007,563,702	952,285,475,767
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		336,558,670,104	80,609,947,965	714,293,855,611	239,381,726,612
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11,903,145,105	3,883,582,650	26,276,353,563	17,098,768,769
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9,134,477,216	7,252,812,969	32,927,206,027	24,817,310,141
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,894,762,638	7,080,431,603	32,129,730,020	23,451,710,381
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		9,378,224,934	2,943,082,381	19,313,009,227	5,974,682,759
9. Chi phí bán hàng	25					
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	25,957,519,159	16,971,439,367	85,027,576,435	67,886,331,138
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		322,748,043,768	63,212,360,660	641,928,435,939	169,751,536,861
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1,284,416,637	517,014,228	23,096,351,626	1,228,908,383
13. Chi phí khác	32	VI.7	98,874,350	36,368,944	2,707,424,146	820,951,042
14. Lợi nhuận khác	40		1,185,542,287	480,645,284	20,388,927,480	407,957,341
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		323,933,586,055	63,693,005,944	662,317,363,419	170,159,494,702
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	57,278,923,437	8,953,768,799	111,702,007,956	23,561,744,906
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		266,654,662,618	54,739,237,145	550,615,355,463	146,597,749,796
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		203,485,938,614	49,585,960,913	445,513,497,099	138,296,287,136
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		63,168,724,004	5,153,276,232	105,101,858,364	8,301,462,660
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	3,945	904	8,750	2,649
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	3,945	904	8,750	2,649

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ IV

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		662,317,363,419	170,159,494,702
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		163,541,926,967	137,201,480,785
- Các khoản dự phòng	03		620,627,605	360,570,354
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.9	(489,435,007)	129,401,374
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(40,144,582,374)	(12,728,640,343)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	32,129,730,020	23,451,710,381
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		817,975,630,630	318,574,017,253
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(91,544,941,731)	(8,725,554,032)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2,719,585,051)	7,498,440,490
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		207,283,005,085	40,220,970,862
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		33,839,419,939	(30,728,425,678)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(29,885,703,582)	(21,979,186,606)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(96,159,681,046)	(23,501,449,118)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2,039,265,675	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(5,684,400,000)	(4,465,108,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		835,143,009,919	276,893,705,171
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(664,982,971,208)	(348,963,627,633)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		53,027,017,421	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(24,379,749,371)	(77,493,231,056)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	29,481,363,014
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(78,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		19,145,462,906	13,528,122,595
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(695,190,240,252)	(383,447,373,080)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	98,939,520,415	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(7,984,565,500)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	286,572,789,457	295,710,051,942
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(173,975,121,259)	(155,947,180,643)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(20,198,242,945)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(67,084,355,500)	(47,275,936,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		124,254,590,168	84,502,369,199
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		264,207,359,835	(22,051,298,710)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	221,024,298,549	243,326,890,100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(499,241,614)	(251,292,841)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	484,732,416,770	221,024,298,549

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (*)	Tầng 2, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ đại lý	50%	50%	50%	50%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	36,89%	36,89%	36,89%	36,89%

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 469 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 407 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân giá quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng trong đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1,747,324,634	3,067,339,993
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	205,733,882,136	117,777,548,527
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	277,251,210,000	100,179,410,029
Cộng	484,732,416,770	221,024,298,549

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱ⁾	12,500,000,000	29,704,129,604	42,204,129,604	12,500,000,000	17,695,869,384	30,195,869,384
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (ii)	1,494,000,000	15,612,764,091	17,106,764,091	1,494,000,000	8,308,015,084	9,802,015,084
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên (iii)	68,000,000,000	-	68,000,000,000	-	-	-
Cộng	81,994,000,000	45,316,893,695	127,310,893,695	13,994,000,000	26,003,884,468	39,997,884,468

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy đăng ký thuế số 0201244461 thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Công ty con đã đầu tư đủ theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm. Trong đó, vốn góp ban đầu là 5.000.000.000 VND, tăng vốn góp từ lợi nhuận được chia là 7.500.000.000 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108111428 thay đổi lần thứ 3 ngày 30/06/2021, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 8.100.000.000 VND, tương ứng 810.000 cổ phần. Công ty sở hữu 298.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC), chiếm 36,89% vốn điều lệ của Công ty này.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202133595 ngày 22 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Vận tải Biển An Biên có vốn điều lệ là 200.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty TNHH vận tải container Hải An đã đầu tư 68.000.000.000 VND, sở hữu 6.800.000 cổ phần, tương đương 34% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Biển An Biên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	30,195,869,384	-	13,883,260,220	(1,875,000,000)	42,204,129,604
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	9,802,015,084	-	8,051,749,007	(747,000,000)	17,106,764,091
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	-	68,000,000,000	-	-	68,000,000,000
Cộng	39,997,884,468	68,000,000,000	21,935,009,227	(2,622,000,000)	127,310,893,695

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	51,145,737,353	28,028,317,850
Sử dụng dịch vụ đại lý	5,157,093,299	4,775,917,144
Chi trả lợi nhuận BCC	3,397,647,176	2,194,760,692
Công ty liên kết chia lợi nhuận	1,875,000,000	1,875,000,000
Nhận góp vốn BCC	9,000,000,000	10,000,000,000
Chia lãi góp vốn cho cty liên kết	2,900,000,000	-
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</i>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	120,663,037,506	117,027,363,513
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	27,528,140,236	19,022,482,474
Nhận góp vốn BCC	-	5,000,000,000
Chi trả lợi nhuận BCC	1,212,009,250	300,438,610
Công ty liên kết chia lợi nhuận	747,000,000	747,000,000
<i>Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên</i>		
Góp vốn vào công ty liên kết	68,000,000,000	-
Nhận góp vốn BCC	7,000,000,000	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (*)	20,000,000,000	-	10,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	450,000,000	-	450,000,000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000	-	864,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần MHC	2,500	-	2,500	-
Cộng	20,450,866,500	-	10,450,866,500	-

- (*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02/11/2021 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ 120.000.000.000 VND, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>47,372,051,020</i>	<i>38,824,572,871</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	26,197,715,211	26,185,367,298
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	12,651,230,681	6,013,434,148
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An		10,665,289
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	1,001,582,223	647,396,950
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	7,496,643,305	5,907,495,186
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	24,879,600	60,214,000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>186,623,265,835</i>	<i>108,509,226,752</i>
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	13,243,810,412	6,509,709,713
Megatop Agency Limited	13,963,686,610	3,846,071,483
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	36,860,121,573	11,497,086,360
CÔNG TY TNHH SCG INTERNATIONAL VIỆT NAM	5,960,580,133	5,528,452,600
Công Ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đông Á	9,263,835,130	6,479,989,580
Các khách hàng khác	107,331,231,977	74,647,917,016
Cộng	233,995,316,855	147,333,799,623

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>209,432,319,623</i>	<i>8,218,431,965</i>
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển HDT	677,391,000	
KOCKS ARDEL T K RANBAU GMBH		1,677,109,838
ISS MACHINERY SERVICES LIMITED		2,832,317,490
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	119,698,860,000	
FRESH SOUTH SHIPPING S.A.,	84,730,678,650	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Alfa Laval Singapore Pte Ltd		2,698,889,490
Hongda Ocean Shipping Supply Co., Ltd		939,931,217
Công ty cổ phần Unicovina	922,134,400	
Công ty CP thiết kế xây dựng và đầu tư phát triển Minh Thịnh	553,083,500	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI VIỆT NAM	578,086,200	
Các nhà cung cấp khác	2,272,085,873	70,183,930
Cộng	209,432,319,623	8,218,431,965

5. Phải về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	208,241,363		147,055,385	
Các khoản chi hộ	208,241,363		147,055,385	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	154,452,298,566		133,302,759,750	
Lãi tiền gửi dự thu	10,726,028		99,889,315	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	112,423,676,376		112,423,676,376	
Ký cược, ký quỹ	3,388,117,520		653,518,076	
Tạm ứng	519,212,754		920,330,120	
Tạm tính doanh thu	37,228,173,233		19,102,237,888	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	882,392,655		103,107,975	
Cộng	154,660,539,929		133,449,815,135	

(*) Là khoản đặt cọc cho Ông Lê Phong Hiếu và Bà Đỗ Thị Hải Yến theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

6b. Phải thu dài hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Là tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>						
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	trên 3 năm	65,089,486		trên 3 năm	65,089,486	
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	trên 3 năm	99,744,126		trên 3 năm	99,744,126	
Navigator Marine Corp	trên 3 năm	1,763,515,406	-	trên 3 năm	1,800,125,488	539,492,390
WAN HAI LINES LTD	Từ 6 tháng đến 1 năm	397,338,370	279,593,073			
Cộng		2,325,687,388	279,593,073		1,964,959,100	539,492,390

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1,425,466,710	1,064,896,356
Trích lập dự phòng bổ sung	620,627,605	360,570,354
Số cuối năm	2,046,094,315	1,425,466,710

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ Giá gốc	Dự phòng	Số đầu năm Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	48,346,039,722		45,661,518,307	
Công cụ, dụng cụ	73,594,545		38,530,909	
Cộng	48,419,634,267		45,700,049,216	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	2,560,918,059	2,117,784,219
Chi phí dầu nhờn	6,587,141,973	2,101,941,748
Công cụ dụng cụ	1,729,270,197	892,402,778
Phí đường bộ	66,589,502	89,464,000
Chi phí thuê văn phòng	80,000,000	64,000,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,045,667,177	296,209,183
Cộng	12,069,586,908	5,561,801,928

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lên đà tàu Hải An Park	4,954,121,472	9,200,511,300
Chi phí lên đà tàu Hải An Time	16,557,428,735	573,718,591
Chi phí lên đà tàu Hải An Song	-	4,265,759,662
Chi phí lên đà tàu Hải An Bell	7,334,176,207	3,387,910,883
Chi phí lên đà tàu Hải An Link	6,443,580,044	10,513,215,531
Công cụ dụng cụ	7,112,198,116	4,351,122,291
Tiền thuê đất (*)	211,677,292,200	217,347,219,672
Chi phí trả trước dài hạn khác	733,180,240	385,305,284
Cộng	<u>254,811,977,014</u>	<u>250,024,763,214</u>

- (*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m2 trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đờ”) theo hợp đồng số 05.HĐTĐ/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư, tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059, tiền thuê đã được thanh toán toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	455,708,926,412	319,212,881,974	966,009,580,967	4,699,478,262	39,353,374,218	1,784,984,241,833
Mua trong năm, đầu tư XDCB hoàn thành	6,950,000,000	19,254,308,015	381,211,058,202	120,000,000	181,870,000	407,717,236,217
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(87,344,672,271)	-	-	(87,344,672,271)
Số cuối kỳ	462,658,926,412	338,467,189,989	1,259,875,966,898	4,819,478,262	39,535,244,218	2,105,356,805,779
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	144,657,028,733	244,889,363,208	305,455,511,066	2,491,686,511	12,408,201,637	709,901,791,155
Khấu hao trong năm	23,555,448,831	18,219,079,923	113,299,177,165	602,194,995	2,328,131,725	158,004,032,639
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(55,405,937,605)	-	-	(55,405,937,605)
Số cuối kỳ	168,212,477,564	263,108,443,131	363,348,750,626	3,093,881,506	14,736,333,362	812,499,886,189
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	311,051,897,679	74,323,518,766	660,554,069,901	2,207,791,751	26,945,172,581	1,075,082,450,678
Số cuối kỳ	294,446,448,848	75,358,746,858	896,527,216,272	1,725,596,756	24,798,910,856	1,292,856,919,590

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là các lô container 20' và 40' được Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (Công ty con) thuê mua.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	25,419,206,295	4,660,187,818	20,759,018,477
Thuê tài chính trong kỳ	242,070,567,447		242,070,567,447
Số khấu hao trong kỳ		23,731,054,061	-23,731,054,061
Số cuối kỳ	267,489,773,742	28,391,241,879	239,098,531,863

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	6,809,912,649	11,754,927,885
Mua trong năm	-	1,800,000,000	1,800,000,000
Số cuối kỳ	4,945,015,236	8,609,912,649	13,554,927,885
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,391,504,165	6,745,834,863	9,137,339,028
Khấu hao trong năm	141,286,152	341,046,972	482,333,124
Số cuối kỳ	2,532,790,317	7,086,881,835	9,619,672,152
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,553,511,071	64,077,786	2,617,588,857
Số cuối kỳ	2,412,224,919	1,523,030,814	3,935,255,733

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	567,727,272	397,463,472,693	(397,360,203,859)	-	670,996,106
Xây dựng cơ bản dở dang	90,454,545	12,972,804,242	-	(7,165,295,454)	5,897,963,333
Sửa chữa lớn tài sản cố định	9,000,000	37,960,123,265	-	(37,969,123,265)	-
Cộng	667,181,817	448,396,400,200	(397,360,203,859)	(45,134,418,719)	6,568,959,439

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>7,525,661,426</i>	<i>20,669,739,172</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	-	9,170,954,744
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	1,863,480,983	1,754,704,993
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	270,939,931	63,365,729
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức Chỉ nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	92,433,209	3,810,048,172
Chỉ nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	80,000,000	-
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	6,000,000	1,756,712,000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>5,212,807,303</i>	<i>4,113,953,534</i>
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT)	<i>71,336,249,980</i>	<i>64,682,617,090</i>
Triton Container International Limited-Colle	6,415,066,638	7,847,896,035
Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	2,382,505,579	2,292,823,903
PT INDOFUELS LIMITED	2,153,963,628	2,750,009,041
BMS United Bunkers (Asia) Limited	14,464,525,500	7,447,818,889
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	6,342,354,557	7,969,273,754
Các nhà cung cấp khác	3,455,587,110	1,013,460,000
Cộng	78,861,911,406	85,352,356,262

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>763,856,819</i>	<i>1,037,014,948</i>
WAN HAI LINES LTD	-	714,485,376
CÔNG TY TNHH TIẾP VẬN QUỐC TẾ CÁI MÉP	125,190,000	-
Các khách hàng khác	638,666,819	322,529,572
Cộng	763,856,819	1,037,014,948

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4,634,942,268	38,312,306,624	(40,299,792,072)	2,647,456,820
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	38,191,647,607	(38,191,647,607)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	660,114,507	(660,114,507)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,359,681,044	132,643,028,357	(96,159,681,046)	46,843,028,355
Thuế thu nhập cá nhân	1,654,487,213	8,024,723,230	(6,028,877,608)	3,650,332,835

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế bảo vệ môi trường	-	1,241,487,280	(1,241,487,280)	-	
Tiền thuê đất	-	2,925,234,664	(2,925,234,664)	-	
Các loại thuế khác	-	16,000,000	(16,000,000)	-	
Cộng		16,649,110,525	222,014,542,269	(185,522,834,784)	53,140,818,010

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2025) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm (từ năm 2011 đến năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023) theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	111,702,007,956	23,561,744,906
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	20,941,020,401	3,516,496,269
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	132,643,028,357	27,078,241,175

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	28,861,733,938	10,549,642,232
Chi hoạt động cảng	393,116,600	-
Chi phí khai thác tàu	15,376,178,735	6,565,810,752
Chi phí lãi vay phải trả	5,105,804,976	2,861,778,538
Chi phí mua dầu	6,946,771,324	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1,039,862,303	1,122,052,942
Cộng	28,861,733,938	10,549,642,232

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	84,244,081,605	14,335,985,078
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	24,595,363,747	4,118,475,525
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh	18,293,273,985	3,397,647,176
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh	33,444,520,989	5,337,853,127
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh	7,430,922,884	1,212,009,250
Thù lao HDQT, BKS	480,000,000	270,000,000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	58,571,359,570	31,656,703,005
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	51,225,520,935	26,236,882,839
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,531,000,000	4,294,000,000
Kinh phí công đoàn	430,315,551	354,856,428
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	12,171,310	206,411
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	644,253,900	535,811,400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	728,097,874	234,945,927
Cộng	142,815,441,175	45,992,688,083

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	126,000,000,000	90,000,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - phải trả về góp vốn BCC	37,000,000,000	30,000,000,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An- phải trả về góp vốn BCC	29,000,000,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC	50,000,000,000	30,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - phải trả về góp vốn BCC	10,000,000,000	10,000,000,000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	25,000,000,000	-
Công ty Cổ phần đầu tư Sao Á D.C	18,000,000,000	-
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	7,000,000,000	-
Cộng	151,000,000,000	90,000,000,000

Là khoản phải trả các bên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08 tháng 5 năm 2019 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/HĐHTKD ngày 11 tháng 01 năm 2021 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-2021/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng BCC số 03-2021 HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Vay ngắn hạn ngân hàng	56,358,887,069	22,089,932,577
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	10,000,000,000	-
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	8,889,932,577
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	46,358,887,069	13,200,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả	123,988,544,035	81,202,169,555
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10,063,160,000	10,063,160,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	102,592,228,985	66,461,374,615
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 Pantos Holdings Inc	2,165,155,050	4,677,634,940
	9,168,000,000	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	53,461,846,014	8,033,980,376
Công ty BEACON INTERMODAL LEASING	15,614,450,009	8,033,980,376
CAI INTERNATIONAL, INC	12,442,203,294	
SEACUBE CONTAINERS	12,405,791,623	
SEACO GLOBAL LIMITED	12,999,401,088	
Cộng	233,809,277,118	111,326,082,508

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	22,089,932,577	81,202,169,555	8,033,980,376	111,326,082,508
Số tiền vay phát sinh trong năm	108,563,763,207	-	-	108,563,763,207
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	133,862,807,974	50,947,607,379	184,810,415,353
Số tiền vay đã trả trong năm	(74,294,808,715)	(90,501,135,887)	(5,444,918,398)	(170,240,863,000)
Tăng giảm cho chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	(139,382,804)	(74,823,343)	(214,206,147)
Tăng giảm cho chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	(435,914,803)	-	(435,914,803)
Số cuối kỳ	56,358,887,069	123,988,544,035	53,461,846,014	233,809,277,118

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	369,116,183,039	335,241,443,403
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	25,157,890,000	35,221,050,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	314,829,098,689	249,756,955,753
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (iii)	1,625,194,350	3,833,437,650
Pantos Holdings Inc	27,504,000,000	46,430,000,000
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	189,595,365,616	13,150,906,752
BEACON INTERMODAL LEASING	48,373,240,582	13,150,906,752
CAI INTERNATIONAL, INC	46,363,300,722	
SEACO GLOBAL LIMITED	49,674,148,775	
SEACUBE CONTAINERS	45,184,675,537	
Cộng	558,711,548,655	348,392,350,155

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng cấp tín dụng trung dài hạn 0056-2020-HDDTD-BVB007 ngày 17/07/2020 để đầu tư dự án tàu container Stellar Willemstadt thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả theo tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hai An View.
- (v) Vay không có tài sản đảm bảo Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Branı, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby (Hai An Mind); thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.

- Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container HaiAn Time số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/9/2015 với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư.
 - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/04/2021 để đầu tư Dự án tàu container Hansa Cloppenburg (HaiAn West); thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Gốc và lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp còn hiệu lực tại VCB và tàu HaiAn West được hình thành.
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021 để đầu tư 02 xe nâng Karmal (H14+15); thời hạn vay 60 tháng. Gốc và lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản sau đầu tư.
 - Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/09/2018 để thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty
 - Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iv) Thuê tài chính Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HCT-002 ngày 01/11/2019 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 là 1.090.719 USD tương đương 25.419.206.295 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/02/2020. Hợp đồng số HCT-003 ký ngày 14/04/2021, 300cont 40 HC thời hạn 5 năm, thời gian thuê từ ngày 1/08/2021 giá trị 52.729.895.933 tương đương 2.306.645 USD. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Thuê tài chính Công ty Seacube container LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HATS001 ngày 12/11/2020 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC và 300 container 20HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 là 2.683.779 USD tương đương 61.351.197.349 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/07/2021. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 600 container 40HC và 20HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Thuê tài chính Công ty Conatiner Applications Limited theo hợp đồng Lease Schedule No. HAIN-550 ngày 12/05/2021 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 20HC và 200 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 là 2.714.387 USD tương đương 62.005.833.117 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/07/2021. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 500 container 40HC và 20HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	123,988,544,035	81,202,169,555
Trên 1 năm đến 5 năm	515,803,178,475	281,435,979,975
Trên 5 năm	42,908,370,180	66,956,370,180
Cộng	682,700,092,690	429,594,519,710

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	348,392,350,155	236,959,660,829
Số tiền vay phát sinh	420,079,593,697	208,452,736,291
Số tiền vay đã trả	(23,932,501,204)	(2,393,747,493)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(184,801,716,153)	(94,028,902,645)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	(1,026,177,840)	(597,396,827)
Số cuối kỳ	558,711,548,655	348,392,350,155

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	17,981,167,213	10,981,728,637	(5,547,000,000)	23,415,895,850
Quỹ Hội đồng quản trị	7,380,644,434	5,147,000,000	(137,400,000)	12,390,244,434
Cộng	25,361,811,647	16,128,728,637	(5,684,400,000)	35,806,140,284

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	487,827,510,000	115,606,612,922	(14,920,919,678)	206,901,070,809	200,523,678,148	258,744,274,679	1,254,682,226,880
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(7,984,565,500)	-	-	-	(7,984,565,500)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	138,296,287,136	8,301,462,660	146,597,749,796
Trích lập các quỹ	-	-	-	28,877,000,000	(38,983,000,000)	-	(10,106,000,000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(47,392,798,000)	-	(47,392,798,000)
Số dư cuối năm trước	487,827,510,000	115,606,612,922	(22,905,485,178)	235,778,070,809	252,444,167,284	267,045,737,339	1,335,796,613,176
Số dư đầu năm nay	487,827,510,000	115,606,612,922	(22,905,485,178)	235,778,070,809	252,444,167,284	267,045,737,339	1,335,796,613,176
Bán cổ phiếu quỹ	-	76,034,035,237	22,905,485,178	-	-	-	98,939,520,415
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	445,513,497,099	105,101,858,364	550,615,355,463
Trích lập các quỹ	-	-	-	44,714,314,808	(58,803,777,770)	(2,039,265,675)	(16,128,728,637)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(47,392,798,000)	(19,800,000,000)	(67,192,798,000)
Số dư cuối kỳ	487,827,510,000	191,640,648,159	-	280,492,385,617	591,761,088,613	350,308,330,028	1,902,029,962,417

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu	487,827,510,000	487,827,510,000
Thặng dư vốn cổ phần	191,640,648,159	115,606,612,922
Cổ phiếu quỹ	-	(22,905,485,178)
Cộng	679,468,158,159	580,528,637,744

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48,782,751	48,782,751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48,782,751	48,782,751
- Cổ phiếu phổ thông	48,782,751	48,782,751
Số lượng cổ phiếu được mua lại		1,389,953
- Cổ phiếu phổ thông		1,389,953
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48,782,751	47,392,798
- Cổ phiếu phổ thông	48,782,751	47,392,798

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 0205-2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 47,392,798,000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 34,312,000,000
• Trích quỹ Hội đồng quản trị	: 5,147,000,000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6,862,000,000

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	4,493,413.93	2,086,378.02
Euro (EUR)	279.99	290.91

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	83,350,171,176	80,006,663,335
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	660,866,510,227	322,860,580,535
Doanh thu hoạt động khác	68,633,316,942	49,957,674,925
Loại trừ nội bộ	(141,426,570,906)	(91,102,921,297)
Cộng	<u>671,423,427,439</u>	<u>361,721,997,498</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	4,987,778,149	3,334,714,097
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	44,265,277,731	31,301,743,366
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	175,010,190	955,721,966
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)	194,191,957	113,740,235

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	49,946,524,156	50,499,249,385
Giá vốn của hoạt động tàu	377,926,309,647	277,197,361,074
Giá vốn hoạt động khác	47,264,902,946	42,452,777,693
Loại trừ nội bộ	(140,272,979,414)	(89,037,338,619)
Cộng	<u>334,864,757,335</u>	<u>281,112,049,533</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	938,611,814	1,226,078,294
Lãi tiền cho vay	-	1,824,657,534
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10,000,000,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1,509,568,066	666,418,151
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(545,034,775)	166,428,671
Cộng	<u>11,903,145,105</u>	<u>3,883,582,650</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8,894,762,638	7,080,431,603
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	357,842,308	274,086,394
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(118,127,730)	(101,705,028)
Cộng	<u>9,134,477,216</u>	<u>7,252,812,969</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	17,747,928,909	12,253,442,616
Chi phí vật liệu quản lý	342,234,809	355,994,571
Chi phí đồ dùng văn phòng	517,751,090	327,082,480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	583,337,387	1,032,480,414
Thuế, phí và lệ phí	17,391,815	30,206,093
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	95,935,036	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,480,549,676	2,555,987,717
Các chi phí khác	4,172,390,437	416,245,476
Cộng	<u>25,957,519,159</u>	<u>16,971,439,367</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Tiền bồi thường	1,232,683,736	512,888,901
Xử lý công nợ	11,765,781	342,946
Thu nhập khác	39,967,120	3,782,381
Cộng	<u>1,284,416,637</u>	<u>517,014,228</u>

7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	5,049,870
Chi ủng hộ	-	-
Bồi thường tổn thất	299,878,132	-
Phạm vi phạm hành chính	2,100,000	-
Xử lý công nợ	-	5,418,032
Chi phí khác	(203,103,782)	25,901,042
Cộng	<u>98,874,350</u>	<u>36,368,944</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	445,513,497,099	138,296,287,136
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT (i)	(28,810,000,000)	(12,009,000,000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	416,703,497,099	126,287,287,136
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	47,624,457	47,668,082
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8,750	2,649

- (i) Quỹ khen thưởng, quỹ Hội đồng quản trị năm 2021 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 26 tháng 5 năm 2021 (7%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	47,392,798	48,209,698
Ảnh hưởng của 816.900 cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 4 năm 2020		(541,616)
Ảnh hưởng của 1.389.953 cổ phiếu phổ thông bán ra tháng 11 năm 2021	231,659	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	47,624,457	47,668,082

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Năm nay	Năm trước		
Tiền lương, phụ cấp	9,180,169,166	6,475,460,900		
Cộng	9,180,169,166	6,475,460,900		
Kỳ này	Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng	Cộng
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1,670,663,467	103,200,000	1,223,501,587	2,997,365,054
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	926,900,000	113,600,000	839,055,936	1,879,555,936
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	641,129,250	103,200,000	418,032,500	1,162,361,750
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	302,920,000	101,500,000	272,281,993	676,701,993
Ông Vũ Doãn Hạnh - Phó Tổng Giám đốc	181,460,000	3,300,000	92,046,666	276,806,666
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	73,820,000	1,100,000	9,970,000	84,890,000
Ông Phạm Quang Khánh - Phó Tổng Giám đốc	600,093,600	11,133,600	373,710,567	984,937,767
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT		96,000,000	60,000,000	156,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	415,150,000	109,200,000	209,200,000	733,550,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát		48,000,000	36,000,000	84,000,000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát		48,000,000	24,000,000	72,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát		48,000,000	24,000,000	72,000,000
	4,812,136,317	786,233,600	3,581,799,249	9,180,169,166
Kỳ trước	Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng	Cộng
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1,491,968,923	79,200,000	801,160,507	2,372,329,430
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	897,000,000	91,200,000	483,122,470	1,471,322,470
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	579,639,000	79,200,000	253,490,000	912,329,000
Ông Bùi Tuấn Ngọc - Thành viên HĐQT		6,000,000		6,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	342,920,000	78,600,000	79,410,000	500,930,000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT		72,000,000	50,000,000	122,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	579,600,000	85,250,000	247,700,000	912,550,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát		36,000,000	30,000,000	66,000,000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát		36,000,000	20,000,000	56,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát		36,000,000	20,000,000	56,000,000
Cộng	3,891,127,923	599,450,000	1,984,882,977	6,475,460,900

1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần container Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Trả cổ tức	5,567,500,000	5,567,500,000
Chi phí thuê văn phòng	3,258,233,471	3,134,491,169
HACT sử dụng dịch vụ tư vấn		1,724,840,000
Nhận vốn góp BCC	20,000,000,000	10,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chia lợi nhuận BCC	5,337,853,127	2,794,288,634
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)		
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	7,644,315,675	7,719,551,649
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trà cổ tức	1,722,060,000	1,722,060,000
Nhận vốn góp BCC	7,000,000,000	15,000,000,000
HACT chia lợi nhuận	5,200,000,000	-
Chia lợi nhuận BCC	4,118,475,525	1,696,808,285
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	20,099,196,379	17,277,423,878
Nhận chia lãi	10,800,000,000	1,000,000,000
Cung cấp phần mềm kho và bảo trì phần mềm cho Pan Hải An	2,160,000,000	
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ cty liên kết		31,020,000
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	364,909,088	
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
HATS sử dụng dịch vụ	80,636,450	-
Chi phí vận chuyển đường bộ	19,050,576,657	6,214,898,135
Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh		
Trà cổ tức	1,503,200,000	2,000,000,000
PAN sử dụng dịch vụ		366,303,047

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6a, V.14, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Loại trừ nội bộ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	318,211,334,258	1,931,323,243,197	234,739,930,298	(528,973,088,440)	1,955,301,419,313

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dịch vụ ra bên ngoài					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	318,211,334,258	1,931,323,243,197	234,739,930,298	(528,973,088,440)	1,955,301,419,313
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	131,643,311,314	520,689,882,268	65,894,560,587	(3,933,898,558)	714,293,855,611
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(85,027,576,435)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					629,266,279,176
Doanh thu hoạt động tài chính					26,276,353,563
Chi phí tài chính					(32,927,206,027)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					19,313,009,227
Thu nhập khác					23,096,351,626
Chi phí khác					(2,707,424,146)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(111,702,007,956)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					550,615,355,463
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	31,540,851,026	404,815,711,468	10,728,011,932	-	447,084,574,426
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26,995,282,928	159,121,892,398	27,548,067,437		213,665,242,763
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					
Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	272,452,397,643	1,069,948,863,333	165,453,694,142	(316,187,752,739)	1,191,667,202,379
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	272,452,397,643	1,069,948,863,333	165,453,694,142	(316,187,752,739)	1,191,667,202,379
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89,608,367,419	117,206,858,626	34,632,083,245	-2,065,582,678	239,381,726,612
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(67,886,331,138)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				171,495,395,474
Doanh thu hoạt động tài chính				17,098,768,769
Chi phí tài chính				(24,817,310,141)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết				5,974,682,759
Thu nhập khác				1,228,908,883
Chi phí khác				(820,951,042)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(23,561,744,906)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				146,597,749,796
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	15,420,601,816	221,692,765,026	184,379,177,165	421,492,544,007
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	41,820,852,266	64,666,701,916	9,251,954,766	115,739,508,948
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	164,278,427,897	1,694,089,569,240	542,539,101,613	2,400,907,098,750
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				831,438,275,221
Tổng tài sản				3,232,345,373,971
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20,951,773,884	813,101,567,643	398,437,145,422	1,232,490,486,949
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				97,824,924,605
Tổng nợ phải trả				1,330,315,411,554
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	281,524,286,190	872,707,428,782	483,544,592,547	1,637,776,307,519
Tài sản phân bổ cho bộ phận				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				456,774,971,026
Tổng tài sản				2,094,551,278,545
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	41,491,940,130	384,059,144,979	239,864,410,228	665,415,495,337
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				93,339,170,032
Tổng nợ phải trả				758,754,665,369

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải